

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ
GỖ TRƯỜNG THÀNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026.

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	7
Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 8. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 9. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 11. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 13. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 14. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 15. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 16. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 18. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	19
Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	21
Điều 22. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	22
Điều 23. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	22
Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 25. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 26. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	25
Điều 27. Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị.....	27
Điều 28: Ủy ban Kiểm toán.....	27
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
Điều 30. Người điều hành Công ty.....	28
Điều 31. Bộ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	28
Điều 32: Người phụ trách quản trị công ty.....	29
IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 33: Trách nhiệm cần trọng.....	30
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	30
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	31
X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	32
Điều 36. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	32

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	33
Điều 37. Công nhân viên và công đoàn	33
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	33
Điều 38. Phân phối lợi nhuận.....	33
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	34
Điều 39. Tài khoản ngân hàng	34
Điều 40. Năm tài chính	34
Điều 41. Chế độ kế toán.....	34
XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	34
Điều 42. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	34
Điều 43. Báo cáo thường niên.....	35
Điều 44. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	35
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	35
Điều 45. Kiểm toán	35
XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	35
Điều 46. Dấu của doanh nghiệp	35
XVII. GIẢI THẺ CÔNG TY	36
Điều 47. Giải thẻ công ty	36
Điều 48. Gia hạn hoạt động.....	36
Điều 49. Thanh lý.....	36
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ	37
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	37
Điều 51. Điều lệ Công ty.....	37
XX. NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 52. Ngày hiệu lực	38

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“**Công ty**”), một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, là cơ sở pháp lý cho các hoạt động quản trị, quản lý, kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số .../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2026 (sau đây được gọi là “**Điều lệ**”)

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - d) **Luật Chứng khoán** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - e) **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - h) **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - i) **Cổ đông lớn** là cổ đông sở hữu từ (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j) **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và có thể thay đổi/gia hạn nếu được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - k) **Người được Ủy quyền dự họp** là người được Cổ đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu đến sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THANH FURNITURE CORPORATION
 - Tên Công ty viết tắt: TTF
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 747, khu phố Uyên Hưng 7, phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại: +84 – 274 - 3642-004
 - Fax: +84 – 274 – 3642 - 006
 - E-mail: truongthanh@truongthanh.com
 - Website: www.truongthanh.com
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, trừ trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định của pháp luật. Công ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - Tổng giám đốc.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, Người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ
2. Triết lý kinh doanh và mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, thương mại gỗ và sản phẩm từ gỗ, góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống. Cụ thể, Công ty hướng đến:
 - a) Tối đa hóa lợi ích và giá trị lâu dài cho Cổ đông thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, quản trị minh bạch;
 - b) Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, gia tăng năng lực cạnh tranh của thương hiệu gỗ Việt Nam;
 - c) Bảo đảm lợi ích của người lao động và cộng đồng, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn, thân thiện với môi trường; và
 - d) Thực hiện trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững, hài hòa lợi ích giữa Cổ đông, người lao động, khách hàng, đối tác và các bên liên quan.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật; đồng thời thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu hoạt động của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **4.111.983.020.000** đồng (Bốn nghìn một trăm mười một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)

Tổng số cổ phần: **411.198.302** cổ phần

Mệnh giá cổ phần: **10.000** đồng

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 Điều lệ này.
4. Trong quá trình hoạt động của mình, Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới, các cổ phần phổ thông dự kiến phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Công ty phải thông báo việc chào bán cho các cổ đông, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần được chào bán, giá chào bán, thời hạn và phương thức đăng ký mua. Thời hạn đăng ký mua phải hợp lý, không ít hơn hai mươi một (21) ngày kể từ ngày gửi thông báo hoặc theo thời hạn khác do pháp luật quy định.

Trường hợp các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không mua hết số cổ phần được chào bán, Hội đồng Quản trị có quyền quyết định việc phân phối số cổ phần còn lại cho các cổ đông khác hoặc cho đối tượng khác theo điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị xét thấy phù hợp, nhưng không được thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Trong trường hợp một Cổ đông là cá nhân bị tử vong, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, quyền và lợi ích liên quan đến cổ phần của Cổ đông đó sẽ thuộc về người thừa kế hợp pháp (theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật) hoặc người quản lý tài sản hợp pháp của Cổ đông đó. Công ty chỉ công nhận những người này là đối tượng được hưởng quyền và lợi ích liên quan đến cổ phần. Quy định này không được hiểu là miễn trừ Cổ đông đã tử vong, mất năng lực hoặc bị hạn chế năng lực khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với cổ phần mà họ nắm giữ trước đó.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 8. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị;
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 9. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông cũng có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức theo mức và phương thức do Đại hội đồng cổ đông quyết định, tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu;
 - c) Khi công ty chào bán cổ phần mới, cổ đông phổ thông có quyền ưu tiên mua theo tỷ lệ cổ phần đang nắm giữ, trừ trường hợp Điều lệ hoặc pháp luật có quy định khác;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, cổ đông phổ thông được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và sau khi hoàn trả cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có);
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được Công ty đối xử bình đẳng. Theo đó, mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra sẽ do Ủy ban Kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo Hội đồng Quản trị;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:
- a) Nếu các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, và các cổ đông khác đề cử.
5. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều này có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo tỷ lệ sở hữu cổ phần như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử một (01) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hai (02) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử ba (03) ứng viên.
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản này chỉ được thực hiện quyền đề cử, ứng cử trong một nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm giữa nhiệm kỳ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử thành viên đó vẫn được tiếp tục thực hiện quyền đề cử, ứng cử để bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:
 - a) Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế Quản trị Công ty; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết Hội đồng Quản trị;
 - b) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
 - d) Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
 - e) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - f) Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 - g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - i. Vi phạm pháp luật;

- ii. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;
 - h) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Nghĩa vụ công bố thông tin của Cổ đông lớn:
- a) Tổ chức hoặc cá nhân khi trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn.
 - b) Báo cáo về sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Cổ đông lớn phải thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
 - c) Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu dẫn đến ngưỡng 1% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết, Cổ đông lớn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ báo cáo trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi, theo trình tự và nội dung quy định của pháp luật.
 - d) Quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này được áp dụng tương tự đối với Người có liên quan của Cổ đông lớn theo quy định tại Luật Chứng khoán.
 - e) Cổ đông lớn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này hoặc số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị bị giảm xuống, không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này;
 - d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp quy định tại các Điểm b, d Khoản 3 Điều này hoặc khi nhận được yêu cầu triệu tập theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo đúng thời hạn, các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh đối với Công ty.;

- b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay mặt Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Nếu xét thấy cần thiết, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông này có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật giám sát việc triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c) Người triệu tập họp phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông; lập chương trình, nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian, địa điểm và gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
5. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Những chi phí này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - c) Thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

- d) Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về việc quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị; thông qua Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán;
- e) Quyết định mức cổ tức thanh toán hằng năm cho từng loại cổ phần, căn cứ đề xuất của Hội đồng Quản trị và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với từng loại cổ phần;
- f) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
- g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị;
- i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- k) Thông qua ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
- l) Quyết định thay đổi tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty;
- m) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty;
- q) Quyết định đầu tư, bán tài sản hoặc phê duyệt hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- r) Quyết định mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần phát hành;
- s) Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên theo báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng đạt ngưỡng này;
- t) Chấp thuận các giao dịch theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm việc cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và Người có liên quan của các đối tượng này;
- u) Thông qua hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản giữa Công ty với cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của cổ đông đó, khi giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất;
- v) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;

- w) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các Quy chế khác của Công ty.
- 2. Cổ đông không có quyền tham gia biểu quyết trong trường hợp phát sinh các giao dịch mà Cổ đông hoặc Người có liên quan đến Cổ đông có quyền và lợi ích liên quan, cụ thể như sau:
 - a) Các hợp đồng/giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này nếu Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng/giao dịch; hoặc
 - b) Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
- 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự (“Người được ủy quyền dự họp”). Người được ủy quyền dự họp không nhất thiết phải là Cổ đông.
- 2. Việc ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
- 3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Việc ủy quyền tham dự họp chấm dứt trong các trường hợp theo quy định của pháp luật dân sự. Trường hợp Công ty không nhận được thông báo về việc chấm dứt ủy quyền trước thời điểm khai mạc cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại, việc tham dự và biểu quyết của người được ủy quyền vẫn được công nhận về mặt thủ tục, trừ trường hợp có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

- 4. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với Người được ủy quyền dự họp trong việc thực hiện các quyền của Cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

Điều 14. Thay đổi các quyền

- 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ

phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc Người được Ủy quyền dự họp của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người được ủy quyền dự họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 15, 16 và 17 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 15. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách này được lập không quá **10 ngày** trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - f) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, fax, và/hoặc bằng các

phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty trước ít nhất **07 ngày** làm việc trước khi bắt đầu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm: tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp.

Điều 16. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 17. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Trình tự đăng ký Cổ đông dự họp được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.
3. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến Đại hội đồng cổ đông muộn so với thời điểm khai mạc Đại hội có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
 - b) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - c) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.
6. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ tọa có quyền quyết định hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ điều kiện tiến hành, nhưng không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc. Việc hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi hoặc điều kiện cần thiết cho tất cả cổ đông tham dự;
 - b. Phương tiện thông tin không bảo đảm để cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có hành vi gây rối, cản trở hoặc có nguy cơ cản trở việc tiến hành cuộc họp một cách công bằng và hợp pháp.Trường hợp chủ tọa thực hiện việc hoãn hoặc thay đổi địa điểm họp không đúng quy định tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu người khác thay thế chủ tọa để tiếp tục điều hành cuộc họp.
8. Chủ tọa Đại hội có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết và hợp lý nhằm bảo đảm Đại hội được tiến hành hợp lệ, trật tự và phản ánh đúng ý chí của đa số cổ đông tham dự, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a) Sắp xếp chỗ ngồi tại địa điểm họp;

- b) Bảo đảm an toàn cho người tham dự;
- c) Tạo điều kiện để Cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự Đại hội, và người triệu tập họp có toàn quyền điều chỉnh hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết khác (ví dụ: cấp thẻ/giấy ra vào hoặc biện pháp tương đương).

Khi các biện pháp trên được áp dụng, Chủ tọa có thể:

- a) Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong Thông báo mời họp và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“địa điểm chính của Đại hội”);
- b) Tổ chức để Cổ đông hoặc Người được Ủy quyền không thể đến địa điểm chính vẫn có thể tham dự Đại hội từ địa điểm khác, đồng thời với cuộc họp.

Thông báo mời họp không bắt buộc phải nêu chi tiết các biện pháp tổ chức theo khoản này.

Trong Điều lệ này (trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông và Người được Ủy quyền tham dự được hiểu là tham gia tại địa điểm chính của Đại hội.

- 9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu các Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- 2. Đối với các nội dung không thuộc Khoản 1 Điều này, nghị quyết được thông qua khi có số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc tỷ lệ khác theo Điều lệ Công ty
- 3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua là hợp pháp và có hiệu lực, kể cả trong trường hợp trình tự, thủ tục

triệu tập họp và thông qua nghị quyết không tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề để thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), fax, và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. Dự thảo nghị quyết và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết có thể được gửi cho từng Cổ Đông hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố các tài liệu cho các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến.
3. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban Kiểm toán hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
4. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn **90 ngày** kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài của Việt Nam xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục ban hành nghị quyết và nội dung vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng **30 ngày** theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 22. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không ít hơn (03) người và không nhiều hơn (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp toàn bộ thành viên Hội đồng Quản trị kết thúc nhiệm kỳ, các thành viên đó tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận công việc. Việc tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ này nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty không bị gián đoạn.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng Quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.
 - b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, không bắt buộc có quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam.
5. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 23. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định phương án huy động vốn, bao gồm việc bán cổ phần chưa bán và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều 12 của Điều lệ này và tuân thủ quy định về giao dịch với người có liên quan theo pháp luật;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; tổ chức thực hiện việc chi trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm việc xác định thời hạn và thủ tục thanh toán;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Hội đồng Quản trị phân bổ thù lao, thưởng cho từng thành viên theo nguyên tắc phù hợp với trách nhiệm, khối lượng công việc và hiệu quả hoạt động.
- 3. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm, đồng thời báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành hoặc tham gia các ủy ban, tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện các công việc khác theo phân công có thể được hưởng thù lao, tiền lương hoặc các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 5. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, bao gồm chi phí đi lại, lưu trú và các chi phí cần thiết khác.
- 6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp trách nhiệm phát sinh do vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 25. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 1. Hội đồng Quản trị bầu một (01) thành viên trong số các thành viên của mình làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
- 4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Đảm bảo Hội đồng Quản trị thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị thuộc một trong các trường hợp sau đây thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị:

- a. Chết, mất tích;
 - b. Bị tạm giam hoặc đang chấp hành hình phạt tù;
 - c. Đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc;
 - d. Trốn khỏi nơi cư trú;
 - e. Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - f. Bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 26. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất ngang nhau, các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ, lập chương trình, nội dung và thông báo thời gian,

địa điểm họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất cứ khi nào xét thấy cần thiết.

3. Cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của một trong các đối tượng sau đây:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - b. Ít nhất một (01) thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Kiểm toán độc lập theo yêu cầu liên quan đến báo cáo tài chính và hoạt động của Công ty.

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp lệ. Trường hợp không triệu tập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại phát sinh (nếu có) đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm, chương trình, nội dung thảo luận và quyết định; kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác theo quy định của Công ty, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã đăng ký tại Công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên tham dự. Trường hợp không đủ điều kiện tiến hành, cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị tham dự.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết, với điều kiện việc ủy quyền được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax hoặc thư điện tử;

- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương thức khác theo quy định của Công ty.
Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 7. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản họp Hội đồng Quản trị.
- 8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập biên bản. Biên bản họp phải được thông qua và ký xác nhận theo quy định của pháp luật, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 9. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị

- 1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ủy ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động, bao gồm nhưng không giới hạn các ủy ban về chiến lược, nhân sự và lương thưởng, quản lý rủi ro và các ủy ban khác theo nhu cầu của Công ty.
- 2. Số lượng thành viên của mỗi Ủy ban do Hội đồng Quản trị quyết định, có từ 02 thành viên trở lên, bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị và có thể bao gồm thành viên bên ngoài. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong các ủy ban; Trưởng ủy ban do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
- 3. Hoạt động của các ủy ban tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế do Hội đồng Quản trị ban hành. Quyết định của ủy ban được thông qua theo nguyên tắc đa số thành viên tham dự và biểu quyết tán thành.
- 4. Việc thực hiện quyết định của Hội đồng Quản trị và các ủy ban phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 28: Ủy ban Kiểm toán

- 1. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị ban hành.
- 2. Thành phần
 - a. Ủy ban Kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; các thành viên khác là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
 - b. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và không thuộc các trường hợp không được tham gia theo quy định của pháp luật.
- 3. Chức năng, nhiệm vụ: Ủy ban Kiểm toán có chức năng giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, hoạt động tài chính và kiểm toán của Công ty; thực hiện

các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

4. Cuộc họp và hoạt động:
 - a. Ủy ban Kiểm toán họp định kỳ và đột xuất theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán. Cuộc họp được lập biên bản và lưu giữ theo quy định.
 - b. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua theo nguyên tắc đa số, trừ trường hợp Quy chế hoạt động quy định tỷ lệ khác cao hơn.
5. Ủy ban Kiểm toán và thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động theo quy định của pháp luật và trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty được tổ chức bảo đảm hoạt động điều hành chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.
2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo quy định của Công ty.
3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị quyết định.
4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác do Tổng Giám đốc thực hiện theo phân cấp và ủy quyền của Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo quy định của Công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty có thể tuyển dụng hoặc bổ nhiệm các chức danh quản lý khác phù hợp với cơ cấu tổ chức và nhu cầu quản trị của Công ty. Các người điều hành có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động của Công ty nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh.
3. Tổng Giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Tiền lương và các lợi ích khác của người điều hành được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế, được thể hiện trong báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyết định việc khởi kiện hoặc không khởi kiện với các hồ sơ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - j. Ký đơn khởi kiện/rút đơn khởi kiện, đơn tố cáo/rút đơn tố cáo, đơn kháng cáo/rút đơn kháng cáo, đơn yêu cầu thi hành án/rút đơn yêu cầu thi hành án và các văn bản khác có liên quan đến quá trình giải quyết vụ kiện phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - k. Tham gia tố tụng và thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ trong các vụ án/vụ kiện dân sự, hình sự, lao động, thương mại, hành chính theo đúng quy định pháp luật; thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục liên quan đến việc thi hành án theo bản án/quyết định của Tòa án có thẩm quyền;
 - l. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác thực hiện một hoặc một số quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và phân cấp của Hội đồng Quản trị;
 - m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Hội đồng Quản trị có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm người thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 32: Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm chức danh Thư ký công ty theo quy định của pháp luật.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với cổ đông và các bên có liên quan;
 - i. Thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - j. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33: Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty; bao gồm cả việc thực hiện nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), với mức độ cẩn trọng mà một người quản lý thận trọng phải có trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ công khai đầy đủ, kịp thời các lợi ích có liên quan của mình và người có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này và người có liên quan của họ có nghĩa vụ thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, vì lợi ích cao nhất của Công ty; không được lợi dụng chức vụ, thông tin, tài sản hoặc cơ hội kinh doanh của Công ty để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc của tổ chức, cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối

tương đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tham gia biểu quyết đối với các giao dịch mà mình hoặc người có liên quan có lợi ích.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, cùng người có liên quan của họ, không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin nội bộ, thông tin chưa được công bố của Công ty để thực hiện giao dịch vì mục đích cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác..
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, các nội dung chủ yếu của giao dịch, mối quan hệ và lợi ích liên quan đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị chấp thuận bởi đa số thành viên không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn (20%) hoặc giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ giao dịch đầu tiên đạt ngưỡng từ (20%) tổng giá trị tài sản trở lên theo báo cáo tài chính gần nhất, các nội dung chủ yếu của giao dịch, mối quan hệ và lợi ích liên quan đã được công bố cho cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định của pháp luật.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ kê khai các lợi ích liên quan của mình và người có liên quan, bao gồm các doanh nghiệp mà họ hoặc người có liên quan sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần chi phối. Việc kê khai phải được thực hiện đầy đủ, kịp thời khi phát sinh hoặc thay đổi và được lưu giữ tại Công ty theo quy định.
8. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không được nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện các giao dịch thuộc phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ không được thực hiện các giao dịch mua, bán cổ phiếu của Công ty hoặc giao dịch khác nhằm trục lợi trên cơ sở thông tin nội bộ chưa được công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra.

2. Công ty có thể bồi thường cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc người đại diện theo ủy quyền của Công ty đối với các chi phí, tổn thất phát sinh từ các khiếu nại, kiện tụng hoặc thủ tục pháp lý liên quan đến việc thực hiện chức trách của họ, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các khoản chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình giải quyết vụ việc, bao gồm chi phí pháp lý, chi phí phán quyết và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông và các sổ sách, hồ sơ khác của Công ty nhằm phục vụ việc thực hiện chức trách, với điều kiện bảo mật thông tin theo quy định.
4. Công ty có trách nhiệm lưu giữ Điều lệ và các sửa đổi, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế nội bộ, tài liệu về quyền sở hữu tài sản, nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc địa điểm lưu trữ hợp lệ đã được thông báo.
5. Quy trình cung cấp thông tin: Yêu cầu tra cứu, cung cấp thông tin phải được lập thành văn bản và gửi đến Công ty. Người phụ trách quản trị công ty hoặc bộ phận được ủy quyền có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý yêu cầu. Công ty phải phản hồi trong thời hạn hợp lý theo quy định nội bộ, trừ trường hợp từ chối cung cấp theo quy định của pháp luật.

6. Bảo mật thông tin: Cổ đông và người được cung cấp thông tin có nghĩa vụ bảo mật các thông tin được cung cấp; không được sử dụng thông tin đó để gây phương hại đến lợi ích của Công ty.
7. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 37. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 38. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức khi xét thấy việc chi trả phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức, Công ty phải thực hiện thanh toán cổ tức đầy đủ trong thời hạn không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 41. Chế độ kế toán

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác theo quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
2. Công ty lập và lưu giữ sổ sách, chứng từ kế toán bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. Các sổ sách, chứng từ kế toán phải đầy đủ, chính xác, kịp thời, có hệ thống và đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 42. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, phải được lập đầy đủ, trung thực, hợp lý theo quy định của pháp luật về kế toán, bao gồm các báo cáo, phụ lục và thuyết minh cần thiết. Trường hợp Công ty là công ty mẹ, báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.
3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm, bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, phải được lập đầy đủ, trung thực, hợp lý theo quy định của pháp luật về kế toán, bao gồm các báo cáo, phụ lục và thuyết minh cần thiết. Trường hợp Công ty là công ty mẹ, báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 44. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Việc công bố thông tin và thông báo ra công chúng của Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp luật

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong số các đơn vị này thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo theo các điều khoản và điều kiện do Hội đồng Quản trị thỏa thuận. Công ty kiểm toán độc lập phải thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan cho công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, có quyền nhận các thông báo và tài liệu liên quan đến cuộc họp và phát biểu ý kiến về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 46. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 47. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc giải thể Công ty; Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện việc giải thể theo quy định của pháp luật.
3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, đồng thời không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.
4. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất (7 tháng) trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 49. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị thành lập Ban thanh lý gồm ít nhất ba (03) thành viên. Thành viên Ban thanh lý có thể bao gồm người của Công ty hoặc chuyên gia độc lập theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Ban thanh lý xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của mình theo quy định của pháp luật. Các chi phí liên quan đến thanh lý được thanh toán theo quy định của pháp luật.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm thông báo việc thành lập và hoạt động của mình với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định. Kể từ thời điểm thành lập, Ban thanh lý thay mặt Công ty thực hiện các công việc liên quan đến việc thanh lý tài sản và giải quyết các nghĩa vụ của Công ty trước Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo quy định;
- c. Nghĩa vụ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán hết các nghĩa vụ được chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần; cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán theo quy định.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc các thỏa thuận liên quan, bao gồm:
 - a. Giữa cổ đông và Công ty;
 - b. Giữa cổ đông và Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý khác;

Các bên liên quan ưu tiên giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc hòa giải và yêu cầu các bên cung cấp thông tin liên quan trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các bên có thể thỏa thuận chỉ định một tổ chức hoặc chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải.
2. Trường hợp tranh chấp không được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày bắt đầu hòa giải, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này.
3. Mỗi bên tự chịu chi phí liên quan đến quá trình thương lượng và hòa giải. Chi phí trọng tài do Hội đồng trọng tài quyết định theo quy định.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng nghị quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được công bố theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định trong Điều lệ này hoặc có quy định mới khác với nội dung của Điều lệ này, các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng và đương nhiên điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. Điều lệ này thay thế Điều lệ đã được thông qua trước đó
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là văn bản pháp lý chính thức và duy nhất của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

MAI HỮU TÍN

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Danh sách các ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Điều lệ này như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: sản xuất đồ mộc	3100 (Chính)
2.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn phân bón (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy</i>	4669
6.	Xây dựng nhà để ở	4101
7.	Xây dựng nhà không để ở	4102
8.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác <i>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy</i>	4390
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá <i>Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa</i>	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Bán buôn nông sản, lâm sản</i>	4620
12.	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Bán buôn thủy sản</i>	4632
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Bán buôn sản phẩm mộc; Mua bán bao bì</i>	4649
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ</i>	4659
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	<i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh)</i>	
17.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác <i>Chi tiết: Cho thuê trạm xăng dầu</i>	7730
18.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy tính	6209
21.	Công nghệ thông tin	6312
22.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
23.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy</i>	3290